

BẢN SAO

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ TƯ VẤN ỨNG DỤNG
CÔNG NGHỆ MỚI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho kỳ tài chính quý I năm 2019

**VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG HOÀNG CẦU
CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Ngày: **14 -05- 2019**

Số chứng thực: *302* Quyển số: *07*..CT/BS



**CÔNG CHỨNG VIÊN
LÊ PHÚ THỊNH**

MỤC LỤC	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Ứng dụng Công nghệ mới trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ tài chính quý I năm 2019 của Công ty.

1. Công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Ứng dụng Công nghệ mới, tiền thân là Công ty Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới, là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106819543 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 04 năm 2015.

2. Trụ sở chính

Công ty có trụ sở chính tại: Số 13 + 15, Đường Tây Hồ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

3. Hoạt động kinh doanh chính

Trong kỳ tài chính quý I năm 2019, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: thi công, xây lắp công trình.

4. Ban lãnh đạo Công ty

Các thành viên Ban Lãnh đạo Công ty đã điều hành Công ty trong suốt kỳ tài chính quý I năm 2019 đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Ông: Nguyễn Đức Thắng	Chủ tịch
Ông: Nguyễn Quốc Tiến	Thành viên
Ông: Phạm Công Uẩn	Thành viên

Ban Giám đốc:

Ông: Nguyễn Đức Thắng	Giám đốc
Ông: Phạm Công Uẩn	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát:

Ông: Đỗ Đức Thọ	Trưởng ban
Bà: Nguyễn Cao Linh Hương	Thành viên
Bà: Lê Thị Phương Chi	Thành viên

5. Tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính quý I năm 2019 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính từ trang số 06 đến trang số 23 kèm theo.

Lợi nhuận sau thuế của kỳ tài chính quý I năm 2019 sẽ được phân phối theo Quyết định của Hội đồng quản trị công ty.

6. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính quý I năm 2019 yêu cầu phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Hà Nội đã được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính quý I năm 2019 của Công ty.

8. Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

9. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/03/2019 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và các lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính quý I năm 2019 của Công ty.



Nguyễn Đức Thắng
Giám đốc

Hà Nội, ngày 02 tháng 05 năm 2019

SỐ: 129/2019/VACA-HN/BCKT-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính quý I năm 2019
của Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Ứng dụng Công nghệ mới*

Kính gửi: **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Ứng dụng Công nghệ mới

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Ứng dụng Công nghệ mới, từ trang 06 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính quý I năm 2019 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Do được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính quý I năm 2019 sau ngày kết thúc kỳ tài chính, nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến kiểm kê, đánh giá chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/03/2019.
- Tại ngày 31/03/2019, Công ty đã thực hiện đối chiếu xác nhận các khoản công nợ phải thu, phải trả, nhưng chưa đầy đủ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Ứng dụng Công nghệ mới tại ngày 31/03/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính quý I năm 2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Vạn An – Hà Nội



Bùi Ngô Liên – Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1006-2018-281-1

Hà Nội, ngày 02 tháng 05 năm 2019

Nguyễn Minh Ân – Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1313-2018-281-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.474.975.271	78.472.143.456
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	14.091.051.075	17.867.167.557
1. Tiền	111		14.091.051.075	17.867.167.557
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.834.118.638	42.796.082.960
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	19.804.265.360	29.359.821.755
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	7.721.300.080	8.306.480.080
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	20.039.383.593	16.860.611.520
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(11.730.830.395)	(11.730.830.395)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	27.515.747.867	17.764.704.606
1. Hàng tồn kho	141		27.515.747.867	17.764.704.606
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.057.691	44.188.333
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	24.220.833	39.188.333
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10	9.836.858	5.000.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.328.518.771	2.594.988.973
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.526.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216'	V.4	11.526.000	-
II. Tài sản cố định	220		2.243.946.514	2.315.666.584
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	2.243.946.514	2.315.666.584
- Nguyên giá	222		7.507.752.153	7.474.115.789
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.263.805.639)	(5.158.449.205)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		73.046.257	279.322.389
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	73.046.257	279.322.389
TỔNG TÀI SẢN	270		79.803.494.042	81.067.132.429

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		87.857.585.766	89.110.724.153
I. Nợ ngắn hạn	310		87.487.786.962	88.740.925.349
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	45.324.602.478	57.183.190.721
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.9	29.709.964.749	13.432.214.219
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	10.357.823.290	10.775.720.768
4. Phải trả người lao động	314		-	342.184.543
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	321.868.730	553.358.210
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.773.527.715	1.750.256.798
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	-	4.704.000.090
II. Nợ dài hạn	330		369.798.804	369.798.804
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.14	369.798.804	369.798.804
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(8.054.091.724)	(8.043.591.724)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	(8.054.091.724)	(8.043.591.724)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		8.000.000.000	8.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông được quyền biểu quyết	411a		8.000.000.000	8.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(16.054.091.724)	(16.043.591.724)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(15.101.061.141)	(15.101.061.141)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(953.030.583)	(942.530.583)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		79.803.494.042	81.067.132.429

Hà Nội, ngày 02 tháng 05 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng





Phú Thị Kim Thu

Phú Thị Kim Thu

Nguyễn Đức Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho kỳ tài chính quý I năm 2019

(Đơn vị tính: VND)

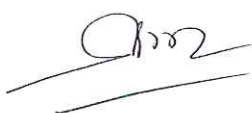
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	8.047.845.879	69.103.592.131
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		8.047.845.879	69.103.592.131
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	6.930.390.005	65.210.016.410
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.117.455.874	3.893.575.721
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	13.911.469	23.793.064
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	110.780.000	622.088.553
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		110.780.000	622.088.553
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	1.004.824.303	4.752.523.136
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.763.040	(1.457.242.904)
11. Thu nhập khác	31	VI.6	8.447.383	1.339.921.946
12. Chi phí khác	32	VI.7	24.210.423	267.688.445
13. Lợi nhuận khác	40		(15.763.040)	1.072.233.501
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-	(385.009.403)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	38.349.142
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		-	(423.358.545)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	(529)

Hà Nội, ngày 02 tháng 05 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc







Phú Thị Kim Thu

Phú Thị Kim Thu

Nguyễn Đức Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ tài chính quý I năm 2019

(Đơn vị tính: VND)

CHỈ TIÊU	Mã số	T.M	Quý I năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		-	(385.009.403)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		105.356.434	505.752.128
Các khoản dự phòng	03		-	(1.411.363.681)
Lãi/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(13.911.469)	(23.793.064)
Chi phí lãi vay	06		110.780.000	622.088.553
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước những thay đổi VLD	08		202.224.965	(692.325.467)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.948.438.322	48.993.706.981
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.751.043.261)	(4.414.152.983)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		3.468.024.845	(39.132.198.242)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		221.243.632	1.031.258.955
Tiền lãi vay đã trả	14		(110.780.000)	(584.856.156)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(20.000.000)	(45.577.947)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.500.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		947.608.503	5.155.855.141
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư:				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(33.636.364)	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.911.469	23.793.064
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.724.895)	23.793.064
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.704.000.090)	(1.345.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.704.000.090)	(1.345.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(3.776.116.482)	3.834.648.205
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.867.167.557	14.032.519.352
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		14.091.051.075	17.867.167.557

Hà Nội, ngày 02 tháng 05 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Đức Thắng

Phú Thị Kim Thu

Phú Thị Kim Thu

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Ứng dụng Công nghệ mới, tiền thân là Công ty Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới, là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106819543 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 04 năm 2015.

Công ty có trụ sở chính tại: Số 13 + 15, Đường Tây Hồ, Phường Quảng An, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 8.000.000.000 đồng (*tám tỷ đồng*);
Chia ra 800.000 cổ phần, Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- *Xây dựng nhà các loại;*
- *Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;*
- *Xây dựng công trình công ích;*
- *Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác bao gồm: công trình công nghiệp, đường hầm, công trình thể thao ngoài trời;*
- *Hoàn thiện công trình xây dựng.*

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh đối với hoạt động xây lắp phụ thuộc vào thời gian thi công của từng công trình theo hợp đồng ký kết giữa Công ty và Chủ đầu tư.

5. Đặc điểm hoạt động trong kỳ tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong quý I năm 2019, Công ty gặp khó khăn trong việc phát triển thị trường và tìm kiếm hợp đồng, cùng với việc cạnh tranh mạnh mẽ của các Công ty khác.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã được kiểm toán, các thông tin không bảo đảm tính so sánh được do sự khác nhau về độ dài của kỳ lập báo cáo tài chính.

7. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty không có các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và không có chi nhánh hạch toán phụ thuộc.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ Công ty sử dụng trong kế toán: Việt Nam Đồng.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính quý I năm 2019 của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty hoạt động liên tục và được áp dụng các chính sách kế toán sau đây:

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi có kỳ hạn mà thời gian đáo hạn ban đầu dưới 3 tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 6 tháng trở lên so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Khi lập Báo cáo tài chính, Các khoản phải thu có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng được phân loại là ngắn hạn, trên 12 tháng được phân loại là dài hạn. Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi cũng được phân loại tương ứng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Giá trị Hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình:

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác, liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc, thiết bị	05 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Các chi phí này được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước được theo dõi chi tiết từng khoản chi phí trả trước theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí tại ngày lập báo cáo.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán, phải trả khác:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản từ người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả.

Nợ phải trả được kế toán theo giá trị ghi nhận ban đầu. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận theo số tiền gốc vay. Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay (ngoài lãi vay) được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán theo dõi chi tiết nguyên tệ.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh. Trừ các chi phí đi vay liên quan phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa, Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là giá trị hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Các chi phí trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

Các khoản chi phí phải trả được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế (nếu có) được hoàn nhập.

10. Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

Dự phòng bảo hành công trình xây lắp năm 2017 được công ty ước tính cho một số hợp đồng xây lắp và được xác định bằng 1% giá trị hợp đồng trước thuế. Năm 2018 và quý I năm 2019, Công ty không trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp.

Lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận sau thuế từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận được thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng quản trị, số lợi nhuận dùng để phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi tiền gửi, lãi cho vay. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập khác:

Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh mà doanh nghiệp chắc chắn thu được. Các khoản tiền phạt về bản chất là khoản giảm giá hàng mua, làm giảm khoản thanh toán cho người bán được hạch toán giảm giá trị tài sản hoặc khoản thanh toán (không hạch toán vào thu nhập khác) trừ khi tài sản có liên quan đã được thanh lý, nhượng bán.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn được ghi nhận phù hợp với doanh thu tương ứng; Khi một khoản doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận, nhưng chưa tập hợp đầy đủ hồ sơ làm căn cứ để ghi nhận giá vốn, kế toán căn cứ vào tính toán ban đầu, dự toán được phê duyệt để trích trước chi phí vào giá vốn trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm: chi phí lãi vay là lãi vay phải trả của các khoản vay ngắn hạn, dài hạn của Công ty được xác định theo số tiền nợ gốc vay, lãi suất vay đã được thỏa thuận và thời gian vay thực tế.

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Các chi phí phục vụ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ, quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận là chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp đầy đủ và đúng kỳ. Các chi phí phát sinh nhưng chưa nghiệm thu, chưa có đủ hồ sơ, Chi phí bảo hành sản hàng hóa, bảo hành công trình đã tiêu thụ trong kỳ, đã ghi nhận doanh thu, được công ty trích trước vào chi phí chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi các khoản chi phí trích trước được nghiệm thu hoặc có đủ hồ sơ, nếu số phát sinh thực tế nhỏ hơn số đã trích vào chi phí; Hoặc hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Đơn vị tính: VNĐ)

V.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2019	01/01/2019
Tiền mặt	22.079.548	5.574.949
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.068.971.527	17.861.592.608
Cộng	14.091.051.075	17.867.167.557

V.2. Phải thu khách hàng

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	19.804.265.360	(1.620.380.503)	29.359.821.755	(1.620.380.503)
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội	3.924.809.045	-	7.000.951.407	-
Xí nghiệp Xây dựng số 8 Hà Nội - Chi nhánh Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội	6.703.943.911	-	10.603.635.944	-
Văn phòng Hội đồng Nhân dân TP Hà Nội	1.473.124.901	-	3.113.124.901	-
Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	3.573.109.050	-	3.573.109.050	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	4.129.278.453	(1.620.380.503)	5.069.000.453	(1.620.380.503)
b) Dài hạn	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ TƯ VẤN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

V.3. Trả trước cho người bán

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	7.721.300.080	(1.418.515.024)	8.306.480.080	(1.418.515.024)
Công ty Cổ phần CONTECH GROUP	4.375.536.000	-	4.375.536.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Kim khí Hồng Phát	971.641.000	-	971.641.000	-
Công ty XD Cấp thoát nước và Hạ tầng kỹ thuật	328.607.000	(328.607.000)	328.607.000	(328.607.000)
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hải Vân	227.559.167	(227.559.167)	227.559.167	(227.559.167)
Công ty TNHH DL và Tổ chức SK Bầu trời xanh	535.200.000	-	-	-
Các khoản trả trước người bán khác	1.282.756.913	(862.348.857)	2.403.136.913	(862.348.857)
b) Dài hạn	-	-	-	-

V.4. Phải thu khác

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	20.039.383.593	(8.691.934.868)	16.860.611.520	(8.691.934.868)
Phải thu khác (TK 138 + TK 141)	17.730.693.015	(8.691.934.868)	16.857.716.041	(8.691.934.868)
* Ông Nguyễn Đức Anh - Giám đốc XN 1 cũ	3.361.634.402	(3.361.634.402)	3.361.634.402	(3.361.634.402)
* Ông Trần Mạnh Hùng - Giám đốc XN 2 cũ	1.275.006.073	(1.272.143.609)	1.272.143.609	(1.272.143.609)
* Ông Hoàng Tuấn Việt - Giám đốc XN 3 cũ	989.963.633	(989.963.633)	989.963.633	(989.963.633)
* Ông Nguyễn Đức Long - Giám đốc XN 4 cũ	1.279.262.302	(1.279.262.302)	1.279.262.302	(1.279.262.302)
* Ông Đỗ Văn Quang - Giám đốc XN 5 cũ	538.184.938	(538.184.938)	538.184.938	(538.184.938)
* Ông Nguyễn Thái Châu - Giám đốc XN 6 cũ	112.724.380	(112.724.380)	112.724.380	(112.724.380)
* Ông Nguyễn Xuân Đông - Giám đốc XN 7 cũ	112.830.250	(112.830.250)	112.830.250	(112.830.250)
* Ông Hoàng Việt Dũng - Đội 2 cũ	504.780.164	(504.780.164)	504.780.164	(504.780.164)
* Ông Nguyễn Quốc Trung - Đội xây dựng số 8	1.919.585.469	-	452.902.910	-
* Ông Đỗ Đức Thọ - Phòng Tổng Hợp	4.756.427.512	-	5.352.458.061	-
* Ông Lê Văn Bảy	1.700.000.000	-	1.700.000.000	-
* Phải thu khác	1.180.293.892	(520.411.190)	1.180.831.392	(520.411.190)
Phải thu khác TK 338	1.338.135	-	2.895.479	-
Phải thu lương	2.307.352.443	-	-	-
b) Dài hạn	11.526.000	-	-	-
Ký quỹ bảo lãnh công trình	11.526.000	-	-	-
Tổng	20.050.909.593	(8.691.934.868)	16.860.611.520	(8.691.934.868)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ TƯ VẤN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

V.5. Hàng tồn kho

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chi tiết:	27.515.747.867	-	17.764.704.606	-
Hạng mục tường vây - Dự án Khách sạn Dân tộc tại số 349 Đội Cấn, P. Liễu Giai, Ba Đình, HN	316.224.602	-	316.224.602	-
Xây dựng phần thân thô và phần hoàn thiện kiến trúc, cấp điện, cấp thoát nước nhà CT2	7.670.902.397	-	7.358.896.448	-
Phá dỡ, xây lắp mua sắm Thiết bị CT và Thiết bị chống mối CT Đa Cải tạo mở rộng trường Tiểu học Vĩnh Tuy	4.828.866.070	-	4.805.068.456	-
Cung cấp và lắp đặt hệ thống điện phần thân - ĐTXD Khu nhà ở cao tầng kết hợp TM&DVCC A10 NTY	3.036.214.571	-	1.892.943.752	-
Trường THCS Phương Canh - GT số 09: TC XD và mua sắm lắp đặt TB; chi phí HMC	7.282.655.714	-	410.688.186	-
Công trình khác	4.380.884.513	-	2.980.883.162	-
Tổng	27.515.747.867	-	17.764.704.606	-

V.6. Chi phí trả trước

	31/03/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn	24.220.833	39.188.333
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	24.220.833	39.188.333
b) Dài hạn	73.046.257	279.322.389
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	73.046.257	279.322.389
Cộng	97.267.090	318.510.722

V.7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Quý I năm 2019	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị quản lý	Tổng
<u>Nguyên giá</u>				
Tại ngày 01/01/2019	3.358.076.862	3.905.188.927	210.850.000	7.474.115.789
Mua trong kỳ	-	33.636.364	-	33.636.364
Tại ngày 31/03/2019	3.358.076.862	3.938.825.291	210.850.000	7.507.752.153
<u>Hao mòn lũy kế</u>				
Tại ngày 01/01/2019	1.835.781.500	3.126.482.687	196.185.018	5.158.449.205
Khấu hao trong kỳ	33.580.045	67.518.813	4.257.576	105.356.434
Tại ngày 31/03/2019	1.869.361.545	3.194.001.500	200.442.594	5.263.805.639
<u>Giá trị còn lại</u>				
Tại ngày 01/01/2019	1.522.295.362	778.706.240	14.664.982	2.315.666.584
Tại ngày 31/03/2019	1.488.715.317	744.823.791	10.407.406	2.243.946.514

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ TƯ VẤN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

V.8. Phải trả người bán

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	45.324.602.478	45.324.602.478	57.183.190.721	57.183.190.721
Công ty TNHH Xuân Lộc Thọ	4.295.670.475	4.295.670.475	5.638.549.813	5.638.549.813
Công ty TNHH TM Dịch vụ xây dựng Hà Thủy	3.263.730.570	3.263.730.570	3.055.233.065	3.055.233.065
Công ty CP Bê tông XD và TM Việt Trung	2.198.117.549	2.198.117.549	2.198.117.549	2.198.117.549
Công ty CP Đầu tư Cửa Việt	3.174.724.473	3.174.724.473	6.069.979.967	6.069.979.967
Công ty CP 12.1 (Công ty CP LICOGI 12.1)	2.599.528.350	2.599.528.350	1.847.628.850	1.847.628.850
Các nhà cung cấp khác	29.792.831.061	29.792.831.061	38.373.681.477	38.373.681.477
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	45.324.602.478	45.324.602.478	57.183.190.721	57.183.190.721

V.9. Người mua trả tiền trước

	31/03/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn	29.709.964.749	13.432.214.219
Tổng công ty đầu tư và phát triển nhà Hà Nội	9.527.037.530	-
Ban QLDA Đầu tư xây dựng quận Nam Từ Liêm	13.371.849.000	13.371.849.000
BQL dự án đầu tư xây dựng quận Hoàng Mai	6.483.713.000	-
Đối tượng khác	327.365.219	60.365.219
b) Dài hạn	-	-
Cộng	29.709.964.749	13.432.214.219

V.10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/03/2019
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	3.391.934.341	(409.306.569)	-	2.982.627.772
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.163.142	-	17.163.142	-
- Thuế thu nhập cá nhân	18.553.400	27.116.733	18.544.500	27.125.633
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	7.348.069.885	20.210.423	20.210.423	7.348.069.885
Cộng	10.775.720.768	(361.979.413)	55.918.065	10.357.823.290
b) Phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	2.836.858	2.836.858
- Thuế BVMT và các thuế khác	5.000.000	-	2.000.000	7.000.000
Cộng	5.000.000	-	4.836.858	9.836.858

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ TƯ VẤN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

V.11. Chi phí phải trả

	31/03/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn	321.868.730	553.358.210
Trích trước chi phí các công trình	290.050.548	521.540.028
Chi phí phải trả khác	31.818.182	31.818.182
b) Dài hạn	-	-
Cộng	321.868.730	553.358.210

V.12. Phải trả khác

	31/03/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn		
Bảo hiểm.xã hội	2.915.417	-
Phú Thị Kim Thu (TK 141)	-	1.264.544
Võ Hoài Văn (TK 141)	27.179.856	27.179.856
Nguyễn Trung Tý (TK 141)	941.861.025	941.861.025
Các khoản phải trả, phải nộp khác (TK 338)	801.571.417	779.951.373
* Lãi vay phải trả	303.681.799	303.681.799
* Các khoản khác	497.889.618	476.269.574
Cộng	1.773.527.715	1.750.256.798
b) Dài hạn		
Cộng	-	-

V.13. Vay và nợ thuê tài chính

	31/03/2019		Phát sinh trong năm		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	-	-	-	4.704.000.090	4.704.000.090	4.704.000.090
Ông: Đỗ Đức Thọ	-	-	-	4.704.000.090	4.704.000.090	4.704.000.090
b) Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	4.704.000.090	4.704.000.090	4.704.000.090

V.14. Dự phòng phải trả

	31/03/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	369.798.804	369.798.804
Cộng	369.798.804	369.798.804
b) Dài hạn		
Cộng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ TƯ VẤN ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ MỚI

Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính quý I năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

V.15. Vốn chủ sở hữu

a) Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Tại ngày 01/01/2018	8.000.000.000	(13.254.120.305)	(5.254.120.305)
Lỗi trong năm trước	-	(423.358.545)	(423.358.545)
Chi thù lao HĐQT và BKS từ lợi nhuận sau thuế		(42.000.000)	(42.000.000)
Giảm khác	-	(2.324.112.874)	(2.324.112.874)
Tại ngày 31/12/2018	8.000.000.000	(16.043.591.724)	(8.043.591.724)
Tại ngày 01/01/2019	8.000.000.000	(16.043.591.724)	(8.043.591.724)
Lỗi trong kỳ này	-	-	-
Chi thù lao HĐQT và BKS từ lợi nhuận sau thuế		(10.500.000)	(10.500.000)
Tại ngày 31/03/2019	8.000.000.000	(16.054.091.724)	(8.054.091.724)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/03/2019	01/01/2019
Ông: Nguyễn Đức Thắng	4.570.660.000	4.570.660.000
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội	2.657.460.000	2.657.460.000
Ông: Phạm Công Uẩn	155.670.000	155.670.000
Cổ đông khác	616.210.000	616.210.000
Cộng	8.000.000.000	8.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý I năm 2019	Năm 2018
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	8.000.000.000	8.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	8.000.000.000	8.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/03/2019	01/01/2019
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	800.000	800.000
- Số lượng cổ phiếu đã PH và góp vốn đầy đủ	800.000	800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	800.000	800.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	800.000	800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	800.000	800.000
(*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VNĐ)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

V.16. Nợ xấu

	31/03/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	1.620.380.503	-	1.620.380.503	-
Công ty 19 - CN Công ty CP Tạo và PT nhà	634.016.240	-	634.016.240	-
Công ty TNHH XD Phát triển Hạ tầng Tân Hưng	269.570.000	-	269.570.000	-
Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội số 15 -	275.751.552	-	275.751.552	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội				
Các khoản phải thu khách hàng khác	441.042.711	-	441.042.711	-
Trả trước cho người bán	1.418.515.024	-	1.418.515.024	-
Công ty XD Cấp thoát nước và Hạ tầng kỹ thuật	328.607.000	-	328.607.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hải Vân	227.559.167	-	227.559.167	-
Các khoản trả trước cho người bán khác	862.348.857	-	862.348.857	-
Phải thu khác	8.844.264.233	152.329.365	8.844.264.233	152.329.365
Ông Nguyễn Đức Anh - Giám đốc XN 1 cũ	3.361.634.402	-	3.361.634.402	-
Ông Trần Mạnh Hùng - Giám đốc XN 2 cũ	1.272.143.609	-	1.272.143.609	-
Ông Hoàng Tuấn Việt - Giám đốc XN 3 cũ	989.963.633	-	989.963.633	-
Ông Nguyễn Đức Long - Giám đốc XN 4 cũ	1.279.262.302	-	1.279.262.302	-
Ông Đỗ Văn Quang - Giám đốc XN 5 cũ	538.184.938	-	538.184.938	-
Ông Nguyễn Thái Châu - Giám đốc XN 6 cũ	112.724.380	-	112.724.380	-
Ông Nguyễn Xuân Đông - Giám đốc XN 7 cũ	112.830.250	-	112.830.250	-
Ông Hoàng Việt Dũng - Đội 2 cũ	504.780.164	-	504.780.164	-
Các đối tượng khác	672.740.555	152.329.365	672.740.555	152.329.365
Tổng cộng nợ xấu	11.883.159.760	152.329.365	11.883.159.760	152.329.365

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Đơn vị tính: VNĐ)

VI.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I năm 2019	Năm 2018
Doanh thu hợp đồng xây dựng	8.047.845.879	69.103.592.131
Cộng	8.047.845.879	69.103.592.131

VI.2. Giá vốn hàng bán

	Quý I năm 2019	Năm 2018
Giá vốn hợp đồng xây dựng	6.930.390.005	65.210.016.410
Cộng	6.930.390.005	65.210.016.410

VI.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.911.469	23.793.064
Cộng	13.911.469	23.793.064

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

VI.4. Chi phí tài chính

	Quý I năm 2019	Năm 2018
Lãi tiền vay	110.780.000	622.088.553
Cộng	<u>110.780.000</u>	<u>622.088.553</u>

VI.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý I năm 2019	Năm 2018
Chi phí nhân viên	663.149.904	2.214.719.566
Chi phí vật liệu quản lý	-	1.091.667
Chi phí công cụ dụng cụ	31.031.913	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	37.837.621	172.044.401
Chi phí dự phòng	-	203.136.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	237.617.865	1.596.848.925
Chi phí bằng tiền khác	35.187.000	564.681.907
Cộng	<u>1.004.824.303</u>	<u>4.752.523.136</u>

VI.6. Thu nhập khác

	Quý I năm 2019	Năm 2018
Hoàn nhập chi phí bảo hành CT A14 NTY (giá trị trích bảo hành năm 2017) sau 1 năm bảo hành	-	1.339.900.250
Các khoản thu nhập khác	8.447.383	21.696
Cộng	<u>8.447.383</u>	<u>1.339.921.946</u>

VI.7. Chi phí khác

	Quý I năm 2019	Năm 2018
Các khoản bị phạt thuế, bảo hiểm xã hội	20.210.423	263.653.972
Các khoản chi phí khác	4.000.000	4.034.473
Cộng	<u>24.210.423</u>	<u>267.688.445</u>

VI.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý I năm 2019	Năm 2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.493.319.664	49.925.262.632
Chi phí nhân công	7.569.014.192	22.430.939.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	105.356.434	505.752.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.072.388.955	1.060.789.955
Chi phí khác bằng tiền	446.178.324	453.947.974
Tổng	<u>17.686.257.569</u>	<u>74.376.692.529</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán đến ngày phát hành báo cáo này làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính quý I năm 2019 của Công ty.

2. Thông tin với các bên liên quan

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với bên liên quan	Mối quan hệ	Quý I năm 2019 (VND)	Năm 2018 (VND)
Doanh thu hợp đồng xây dựng			
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội	Cổ đông lớn	7.003.938.182	(873.066.894)
Xí nghiệp Xây dựng số 8 Hà Nội - Chi nhánh Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội	Chi nhánh của Cổ đồng lớn	1.043.907.697	35.153.650.358
Số dư với bên liên quan			
	Mối quan hệ	31/03/2019 (VND)	01/01/2019 (VND)
Phải thu khách hàng			
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội	Cổ đông lớn	3.924.809.045	7.000.951.407
Xí nghiệp Xây dựng số 8 Hà Nội - Chi nhánh Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội	Chi nhánh của Cổ đồng lớn	6.703.943.911	10.603.635.944
Người mua trả tiền trước			
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển nhà Hà Nội	Cổ đông lớn	9.527.037.530	-

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ tài chính quý I năm 2019, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Các thông tin không bảo đảm tính so sánh được do sự khác nhau về độ dài của kỳ lập báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 02 tháng 05 năm 2019

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phú Thị Kim Thu

Phú Thị Kim Thu

Nguyễn Đức Thắng